

Số: 149/TM-VDD

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**Về việc cung cấp báo giá hóa chất xét nghiệm**

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất xét nghiệm

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá hóa chất xét nghiệm cho Khoa Hóa sinh và Chuyên hóa dinh dưỡng.

Danh mục báo giá: Chi tiết theo mẫu đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Báo giá bằng giá tiền đồng Việt Nam.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí gói thầu.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và bản mềm scan PDF (Đã đóng dấu và gửi qua Email).

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị, Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: 48B Tầng Bạt Hồ, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Thời gian gửi báo giá: Trước 16 giờ 00 Ngày 31 tháng 07 năm 2023.

Thông tin liên hệ: Bà Lý Thị Tuyền, phòng Vật tư - Quản trị.

Số điện thoại 0989664052; Email: thauvtqt.nin@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Website của Viện Dinh dưỡng (để công khai);
- Lưu: VT, VTQT.

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN  
DINH DƯỠNG  
Trần Thanh Dương

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
*(Kèm theo TMBG số: 149/TM-VDD ngày 28 tháng 7 năm 2023)*

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CHI MUA HÓA CHẤT HUYẾT HỌC</b>				
1	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Hóa chất dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học. Trạng thái vật lý: chất lỏng; Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá; Mùi: mùi clo; Độ pH: 10 đến 13; Tính tan: tan trong nước. Thành phần: Natri hypoclorit. Quy cách đóng gói: Bộ/ EA (3x15 ml) hoặc tương đương.	Bộ	1	
<b>II</b>	<b>CHI MUA HÓA CHẤT HÓA SINH</b>				
1	Hóa chất định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride: Dải đo: 0,1-11,3 mmol/L, phương pháp: GPO-POD, bước sóng 660/800 nm. Thành phần: 4-Aminoantipyrine $\geq 0,5$ mmol/L, Lipases $\geq 1,5$ kU/L ( $\geq 25$ $\mu$ kat/L), Glycerol kinase $\geq 0,5$ kU/L ( $\geq 8,3$ $\mu$ kat/L), Peroxidase $\geq 0,98$ kU/L ( $\geq 16,3$ $\mu$ kat/L), Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 $\mu$ kat/L), Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 $\mu$ kat/L). Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 100 ml, hoặc tương đương.	Hộp	1	
2	Hóa chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol: Dải đo: 0,05-4,65 mmol/L, phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Kháng thể kháng $\beta$ -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi, Cholesterol esterase (CHE) $\geq 0,8$ IU/mL, Cholesterol oxidase (CHO) $\geq 4,4$ IU/mL, Peroxidase (POD) $\geq 1,7$ IU/mL, Ascorbate Oxidase $\geq 2$ IU/mL, F-DAOS $\geq 0,2$ mmol/L, 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 144 ml, hoặc tương đương.	Hộp	1	

3	Hóa chất định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid: Dải đo: 89 - 1785 $\mu\text{mol/L}$ , phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7,5) 42 mmol/L, MADB $\geq 0,15$ mmol/L, 4-Aminophenazone 0,30 mmol/L, Uricase $\geq 0,25$ kU/L (4,15 $\mu\text{kat/L}$ ). Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 170 ml, hoặc tương đương.	Hộp	0,25	
4	Hóa chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine: Dải đo: 5 - 2200 $\mu\text{mol/L}$ , phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nm. Thành phần: Natri hydroxide $\geq 120$ mmol/L, Axit picric $\geq 2,9$ mmol/L. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 408 ml, hoặc tương đương.	Hộp	0,5	
5	Hóa chất đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST: Dải đo: 3 - 1000 U/L, phương pháp dựa trên khuyến nghị của Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế (IFCC). Thành phần: L-aspartate $\geq 240$ mmol/L, 2-Oxoglutarate $\geq 12$ mmol/L, LDH $\geq 0,9$ kU/L, MDH $\geq 0,6$ kU/L, NADH 0,20 mmol/L. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 200 ml, hoặc tương đương.	Hộp	1	
6	Hóa chất đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT: Dải đo: 3 - 500U/L, phương pháp dựa trên khuyến nghị của Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế (IFCC). Thành phần: L-Alanine $\geq 500$ mmol/L, 2-Oxoglutarate $\geq 12$ mmol/L, LDH $\geq 1,8$ kU/L, NADH 0,20 mmol/L. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 300 ml, hoặc tương đương.	Hộp	1	
7	Hóa chất đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT: Dải đo: 5 - 1200 U/L, phương pháp dựa trên khuyến nghị của Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế (IFCC). Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L, L- $\gamma$ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide $\geq 6$ mmol/L. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Hộp: 144 ml, hoặc tương đương.	Hộp	0,5	

8	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần:  Dải đo: 30-120 g/L, phương pháp: Biuret.  Thành phần: Sodium hydroxide <math>\geq</math> 200 mmol/L, Potassium sodium tartrate <math>\geq</math> 32 mmol/L, Copper sulphate <math>\geq</math> 18,8 mmol/L, Potassium iodide <math>\geq</math> 30 mmol/L. Hoặc tương đương.  Quy cách đóng gói: Hộp: 200 ml, hoặc tương đương</p>	Hộp	1	
9	Hóa chất định lượng Sắt	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt:  Dải đo: 2-179 <math>\mu</math>mol/L, phương pháp: TPTZ, bước sóng 600/800 nm.  Thành phần: Glycine buffer (pH 1,7) 215 mmol/L, L-ascorbic acid <math>\geq</math> 4,7 mmol/L 2,46-Tri(2-pyridyl)-5-triazine <math>\geq</math> 0,5 mmol/L. Hoặc tương đương.  Quy cách đóng gói: Hộp: 240 ml, hoặc tương đương.</p>	Hộp	1	
10	Hóa chất xét nghiệm Zinc, sử dụng cho máy hệ mở	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm Zinc:  Dải đo: lên đến 400 <math>\mu</math>g/dL, phương pháp xét nghiệm: đo màu, điểm cuối. Br-PAPS. Hoặc tương đương.  Quy cách đóng gói: Hộp: 125 ml, hoặc tương đương.</p>	Hộp	3	
11	Hóa chất đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	<p>Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALP:  Dải đo: 5 - 1500 U/L, phương pháp: dựa trên khuyến nghị của Hiệp hội Hóa học Lâm sàng Quốc tế (IFCC).  Bước sóng: 410/480 nm.  Thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP) pH 10,4: 0,35 mol/L, p-Nitrophenyl phosphat <math>\geq</math> 16 mmol/L. HEDTA 2 mmol/L, Kẽm sulfat 1 mmol/L, Magnesi acetat <math>\geq</math> 2 mmol/L. Hoặc tương đương  Quy cách đóng gói: Hộp: 96 ml, hoặc tương đương</p>	Hộp	2	

12	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người. động vật và thực vật. Hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: Lọ: 5 ml, hoặc tương đương.	Lọ	3	
----	--	---	----	---	--

